TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2018/DS-ST
Ngày 05 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.

2. Ông Ngô Văn Lầu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2017/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2017, về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 81/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A: Luật sư W - Văn phòng Luật sư W, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (vào sổ đăng ký bảo vệ ngày 01/8/2017). *(vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông B. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông C. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

3.2. Ông D. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt, có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt)*

3.3. Ông E. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

3.4. Bà F. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

3.5. Bà G. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

3.6. Ông H. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

3.7. Bà K. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

3.8. Bà L. Địa chỉ: ấp S1, xã T1, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

3.9. Bà J. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

Người đại diện hợp pháp của các ông bà F, G, K, H, J, L: Ông A. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng (theo các giấy ủy quyền ngày 15/6/2017, 12/9/2017 và 26/02/2018). *(có mặt)*

3.10. Bà M. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

3.11. UBND huyện Y. Địa chỉ: ấp S2, xã T2, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

3.12. UBND huyện Z. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Z: Ông R, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z (theo giấy ủy quyền ngày 18/9/2018). *(vắng mặt, có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2017 (BL số 02, 03), đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/4/2017 (BL số 52, 53), các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông A trình bày:*** Cha mẹ ông là ông O (chết năm 1989) và bà Q (chết năm 1997) có 09 người con chung gồm: C, D, F, E, G, H, B, K và A.

Tài sản cha mẹ để lại gồm:

1. Căn nhà trên phần đất diện tích 132,8m^2 thuộc thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 143510 ngày 06/4/2015 do UBND huyện Z cấp cho ông A đứng tên. Căn nhà này chiều ngang 5,7m, chiều dài 23m, hiện nay có 06 anh chị em của ông đang ở gồm F, G, H cùng vợ là J, K, B cùng vợ là M và A.

2. Phần đất vườn diện tích 1.856,1m^2 (chiều ngang 42,8m, chiều dài 35,5m) thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 457511 ngày 28/8/2013 do UBND huyện Y cấp cho ông B và bà M đứng tên.

Vào ngày 12/10/1995, mẹ ông có lập di chúc cho ông được thừa hưởng căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng nêu trên. Tuy nhiên, đến năm 2014 ông B yêu cầu chia 1/2 căn nhà nhưng các anh chị em không đồng ý nên giữa các bên phát sinh tranh chấp với nhau, ông có yêu cầu địa phương giải quyết nhưng không thành. Do hiện nay ông nhận thấy các anh chị em đều khó khăn, đa số không có nơi ở riêng nên ông từ chối nhận di sản này theo nội dung di

chúc của mẹ ông và ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản này cho tất cả các đồng thừa kế.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha mẹ chết để lại là các tài sản nêu trên, ông yêu cầu nhận toàn bộ tài sản và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác, yêu cầu chia thừa kế di sản thành 10 kỷ phần cho 08 anh chị em của ông mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, riêng ông được hưởng 02 kỷ phần trong đó có 01 kỷ phần của người quản lý di sản. Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 457511 ngày 28/8/2013 do UBND huyện Y cấp cho ông B và bà M đứng tên đối với phần đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

**** Theo đơn phản tố đề ngày 12/12/2017 (BL số 128), các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông B trình bày:*** Cha mẹ ông là ông O và bà Q (đều đã chết) có 09 người con chung như ông A trình bày nêu trên.

Trước khi cha ông chết có ủy quyền phần tài sản có liên quan giao cho mẹ ông, trong đó có căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1990, mẹ ông đã ra chính quyền xác lập quyền sở hữu nhà ở và được UBND huyện Z cấp giấy sở hữu vào ngày 17/9/1990. Đến năm 1995, mẹ ông làm di chúc lập hương hỏa căn nhà này có nội dung giao cho 04 người con trai là C, E, H và B được quyền quản lý căn nhà này. Trước khi ký nhận di chúc, mẹ ông có bắt buộc 04 người con phải ghi cam kết là cho các anh chị em ở, không gây khó dễ nên 04 người con có ghi câu chữ ở cuối di chúc theo ý nguyện của mẹ ông. Sau khi mẹ ông chết, ông A có ý định chiếm đoạt căn nhà này nên đã lén lút đi làm thủ tục để đứng tên cá nhân, khi bị phát hiện thì ông A mới yêu cầu phân chia.

Đối với phần đất vườn diện tích 1.856,1m^2 thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng là đất có mồ mả của ông bà, cha mẹ trong thân tộc, trên đất hiện nay có 03 phần mộ lớn và 01 phần mộ nhỏ. Phần đất này trước đây do ông A và các anh chị em đã thống nhất cử ông đứng tên và sau khi làm xong tất cả hồ sơ đất do ông A và bà F cất giữ.

Do đó, ông không đồng ý đối với yêu cầu của ông A, bà F, bà G, ông H, bà K.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 143510 ngày 06/4/2015 do UBND huyện Z cấp cho ông A đứng tên đối với thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên việc ông đại diện cho các anh chị em đứng tên phần đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 457511 ngày 28/8/2013 do UBND huyện Y cấp.

**** Theo các đơn yêu cầu độc lập đề cùng ngày 09/9/2017 (BL từ số 139 đến số 150), các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà F, bà G, ông H, bà K (do ông A là người đại***

diện hợp pháp) trình bày: Cha mẹ các ông bà là ông O và bà Q (đều đã chết) có 09 người con chung như ông A trình bày nêu trên.

Tài sản cha mẹ để lại gồm:

1. Căn nhà trên phần đất diện tích 132,8m^2 thuộc thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 143510 ngày 06/4/2015 do UBND huyện Z cấp cho ông A đứng tên. Căn nhà này hiện nay có 06 anh chị em của các ông bà đang ở gồm F, G, H cùng vợ là J, K, B cùng vợ là M và A.

2. Phần đất vườn diện tích 1.856,1m^2 thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 457511 ngày 28/8/2013 do UBND huyện Y cấp cho ông B và bà M đứng tên. Trên phần đất này hiện nay có 03 phần mộ lớn và 01 phần mộ nhỏ.

Vào ngày 12/10/1995, mẹ các ông bà có lập di chúc cho ông A được thừa hưởng căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, đến năm 2014 ông B yêu cầu các anh chị em giao 1/2 căn nhà này nên giữa các bên phát sinh tranh chấp với nhau, các ông bà có yêu cầu địa phương giải quyết nhưng không thành.

Nay các ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha mẹ chết để lại là các tài sản nêu trên, các ông bà yêu cầu mỗi người được nhận 1/10 giá trị di sản của cha mẹ chết để lại.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C trình bày:*** Cha mẹ ông là ông O và bà Q (đều đã chết) có 09 người con chung như ông A trình bày nêu trên.

Sau khi cha ông chết, mẹ ông có làm di chúc lập hương hỏa căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng, đồng thời có giao trực tiếp cho 04 người con trai là C, E, H và B quản lý căn nhà này ký nhận di chúc. Trước khi ký nhận di chúc, ông có hứa với mẹ ông là sau khi mẹ ông chết ông vẫn để cho các anh chị em ở trong nhà, có ghi rõ vấn đề ở phía trên di chúc. Sau khi cưới vợ, ông A cùng một số anh chị em đã lén lút làm thủ tục để đứng tên căn nhà nêu trên và được UBND huyện Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A. Sau khi phát hiện sự việc, các anh chị em đã đề nghị ông A trả lại nhà cho các đồng sở hữu có tên trong di chúc theo như nguyện vọng của mẹ ông nhưng ông A không đồng ý.

Đối với phần đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng có mồ mả chôn cất ông bà, cha mẹ trước đây các anh chị em đã thống nhất cho ông B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì ông B là người trực tiếp chăm lo việc mồ mả, cúng kiếng...

Hiện nay ông A, bà F, bà G, ông H, bà K yêu cầu chia thừa kế căn nhà này cũng như phần đất vườn thì ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án xem xét bảo vệ di sản dùng vào việc thờ cúng theo quy định pháp luật, đồng thời tước quyền

thừa kế của ông A, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông A và ông đồng ý tiếp tục giao phần đất vườn cho ông B tiếp tục quản lý, sử dụng.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D trình bày:*** Cha mẹ ông là ông O và bà Q (đều đã chết) có 09 người con chung như ông A trình bày nêu trên.

Cha mẹ ông chết có để lại các tài sản gồm căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng và phần đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng. Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông A, bà F, bà G, ông H, bà K thì ông không đồng ý, người nào muốn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng được nhưng muốn làm gì thì phải hỏi ý kiến của các anh chị em, người nào muốn ra riêng các anh chị em sẽ hỗ trợ.

Trường hợp Tòa án có giải quyết chia thừa kế thì ông yêu cầu không nhận kỷ phần thừa kế của ông.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông E trình bày:*** Cha mẹ ông là ông O và bà Q (đều đã chết) có 09 người con chung như ông A trình bày nêu trên.

Cha mẹ ông chết có để lại các tài sản gồm căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng và phần đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi cha ông chết, mẹ ông có làm di chúc lập hương hỏa căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng, đồng thời có giao trực tiếp cho 04 người con trai là C, E, H và B quản lý căn nhà này ký nhận di chúc. Trước khi ký nhận di chúc, ông có hứa với mẹ ông là sau khi mẹ ông chết ông vẫn để cho các anh chị em ở trong nhà, có ghi rõ vấn đề ở phía trên di chúc.

Đối với phần đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng có mồ mả chôn cất ông bà, cha mẹ trước đây các anh chị em đã thống nhất cho ông B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì ông B là người trực tiếp chăm lo việc mồ mả, cúng kiếng...

Hiện nay ông A, bà F, bà G, ông H, bà K yêu cầu chia thừa kế căn nhà này cũng như phần đất vườn thì ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án xem xét bảo vệ di sản dùng vào việc thờ cúng theo quy định pháp luật, đồng thời tước quyền thừa kế của ông A, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông A và ông đồng ý tiếp tục giao phần đất vườn cho ông B tiếp tục quản lý, sử dụng.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L trình bày:*** Bà chung sống với ông A vào năm 2011, hai người có đăng ký kết hôn. Theo như ông A cho bà biết sau khi cha mẹ ông A chết có để lại tài sản gồm có căn nhà tọa lạc tại ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng và một phần đất tọa lạc tại xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng. Đối với yêu cầu chia thừa kế của các anh chị em ông A thì bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông A.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Z trình bày:*** Việc UBND huyện Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 143510 (số vào sổ CH05474) ngày 06/4/2015 cho ông A đứng tên thửa số 363, tờ bản đồ số 18, diện tích 132,8m^2, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng là căn cứ vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông A, giấy chứng tử của ông O và của bà Huỳnh Thị Hương, phiếu lấy ý kiến của khu dân cư, đơn xin xác nhận (cấp giấy) chủ quyền nhà, tờ di chúc có xác nhận của UBND thị trấn Z ngày 01/11/1995 và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A đã được UBND thị trấn Z xác nhận đủ điều kiện không tranh chấp và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z thẩm định, trình UBND huyện Z ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn B vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố; người đại diện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan F, G, H, K vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập; nguyên đơn A và bị đơn B vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc xác định Quyền sử dụng đất diện tích 1.651,34m^2 tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng là di sản do cha mẹ là cụ O và cụ Q chết để lại, không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản này và đồng ý để cho những người thừa kế của cụ O và cụ Q gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản này với tư cách là các đồng sở hữu, sử dụng chung; đối với Quyền sử dụng đất diện tích 132,8m^2 tại thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng các đương sự không thỏa thuận được.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với Quyền sử dụng đất diện tích 132,8m^2 tại thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng cho những người thừa kế của cụ O và cụ Q được hưởng theo quy định của pháp luật;

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc xác định Quyền sử dụng đất diện tích 1.651,34m^2 tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng là di sản do cha mẹ là cụ O và cụ Q chết để lại, không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản này và đồng ý để cho những người thừa kế của cụ O và cụ Q gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản này với tư cách là các đồng sở hữu, sử dụng chung;

- Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn A và bị đơn B, giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Y cấp cho ông B, bà M đối với Quyền sử dụng đất diện tích 1.651,34m^2 tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Z cấp cho ông A đối với Quyền sử dụng đất diện tích 132,8m^2 tại thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng:**

[1] Theo đơn khởi kiện và đơn yêu cầu độc lập nguyên đơn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan F, G, H, K yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cha mẹ của các ông bà là cụ O và cụ Q chết để lại. Đồng thời, nguyên đơn A và bị đơn B yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đưa vụ án ra xét xử và xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các Điều 609, 649, 650 Bộ luật Dân sự năm 2015;

[2] Trong vụ án này nguyên đơn A và bị đơn B yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định cá biệt *(các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Z và UBND huyện Y cấp)* theo Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan D và UBND huyện Z (do R là người đại diện hợp pháp) vắng mặt có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan F, G, K, J, L vắng mặt có người đại diện tham gia tố tụng; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn A là Luật sư W và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt các đương sự này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều yêu cầu Tòa án tiếp tục xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án;

[4] Cụ O (chết ngày 10/8/1989) và cụ Q (chết ngày 06/4/1997), đến ngày 05/01/2017 nguyên đơn A nộp đơn khởi kiện và đến ngày 15/9/2017 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan F, G, H, K nộp đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ O và cụ Q chết để lại

là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*** Về nội dung:**

[1] Các đương sự thống nhất theo số đo, diện tích đo đạc thực tế tại các Biên bản (v/v xem xét, thẩm định tại chỗ phục vụ cho việc định giá) và các Biên bản định giá tài sản cùng ngày 27/7/2017 và 28/7/2017, các sơ đồ đo vẽ kèm theo (BL từ số 225 đến số 243); thống nhất tài sản tranh chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 132,8m^2 tại thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng có giá trị 597.600.000đồng (132,8m^2 x 4.500.000đ) cùng căn nhà gắn liền trên đất (cất từ thời Pháp thuộc trên 100 năm đã có thông báo không cho sử dụng nữa nên không thực hiện việc định giá);

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.651,34m^2 tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng có giá trị 327.634.000đồng {132.634.000đ (1.326,34m^2 x 100.000đ) + 195.000.000đ (325m^2 x 600.000đ)}; các cây trồng trên đất (gồm 01 cây còng loại A giá 100.000đ, 04 bụi tre loại 01 giá 800.000đ, 01 cây dừa loại B giá 350.000đ), có giá trị 1.250.000đồng cùng 03 phần mộ lớn và 01 phần mộ nhỏ trên đất (phần mộ lớn có đơn giá 5.460.000đ/cái, phần mộ nhỏ có đơn giá 3.100.000đ/cái), có đơn giá 16.380.000đồng.

[2] Các đương sự thống nhất Quyền sử dụng đất diện tích 132,8m^2 tại thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Quyền sử dụng đất tại thị trấn Z, huyện Z) cùng căn nhà gắn liền trên đất và Quyền sử dụng đất diện tích 1.651,34m^2 tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Quyền sử dụng đất tại xã T, huyện Y) là di sản của cụ O và cụ Q chết để lại. Quyền sử dụng đất tại thị trấn Z, huyện Z cùng căn nhà gắn liền trên đất hiện nay do bà F, bà G, bà K, ông B cùng vợ con trực tiếp quản lý, sử dụng và ông A đã được UBND huyện Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyền sử dụng đất tại xã T, huyện Y cùng các cây trồng, mồ mả trên đất hiện nay do ông B trực tiếp quản lý, sử dụng, chăm sóc và ông B cùng vợ là bà M đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ O (chết ngày 10/8/1989) và cụ Q (chết ngày 06/4/1997) có với nhau tất cả 09 người con chung gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A, các cụ không có con riêng, con nuôi và cha mẹ các cụ đều đã chết hết. Cụ O chết không có để lại di chúc, cụ Q chết có để lại Tờ di chúc lập ngày 12/10/1995. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Đối với căn nhà gắn liền với Quyền sử dụng đất tại thị trấn Z, huyện Z: Cụ Q chết có để lại Tờ di chúc lập ngày 12/10/1995 được UBND thị trấn Z chứng thực vào ngày 01/11/1995 (BL số 42), có nội dung: *Để tránh việc tranh chấp giữa các người con sau này nên cụ để lại căn nhà này cho ông A được thừa hưởng, ông A có quyền quyết định đối với căn nhà này tùy theo đời sống kinh tế trong gia đình nhưng phải có sự đồng ý của những người còn sống chung với ông A trong căn nhà này, ông A và các người con khác của cụ "****không ai được quyền bán nhà để phân chia hay cầm cố căn nhà này trong bất kỳ trường hợp hợp***

nào vì đây là ngôi nhà hương quả của ông bà để lại*", đối với ông A tại thời điểm cụ lập di chúc này chưa có vợ, nếu sau này có vợ và không muốn ở trong căn nhà này nữa mà muốn ra ở riêng thì chỉ được quyền lấy những món vật đã được cho trong ngày cưới và không còn quyền gì trong căn nhà này nữa.* Tại thời điểm lập di chúc cụ Q là người đã thành niên, tinh thần minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; việc lập di chúc hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, đe doạ hoặc cưỡng ép; nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật; trong di chúc cũng có một số người con của cụ gồm các ông E, H, C, B cùng một số người làm chứng ký tên và di chúc cũng đã được UBND thị trấn Z chứng thực theo đúng quy định của pháp luật; tất cả các người con của cụ đều thừa nhận về nội dung của di chúc đúng là do chính cụ lập. Do đó, căn cứ vào các Điều 12, 13, 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 (tương ứng là các Điều 630, 631, 635, 636 Bộ luật Dân sự năm 2015) xác định Tờ di chúc lập ngày 12/10/1995 được UBND thị trấn Z chứng thực vào ngày 01/11/1995 của cụ Q là hợp pháp.

[4] Nội dung Tờ di chúc lập ngày 12/10/1995 nêu trên đã thể hiện rõ việc cụ Q có nguyện vọng để lại căn nhà gắn liền với Quyền sử dụng đất tại thị trấn Z, huyện Z cho các con của cụ về sau sử dụng làm tài sản hương quả, dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên. Theo Điều 21 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 (tương ứng là Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015) quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng như sau "*Nếu người lập di chúc có để di sản dùng vào việc thờ cúng thì di sản đó được coi như di sản chưa chia. Khi việc thờ cúng không được thực hiện theo di chúc thì những người thừa kế của người để lại di sản dùng vào việc thờ cúng có quyền hưởng di sản đó. Nếu những người thừa kế đó đều đã chết, thì di sản thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Pháp lệnh này"*. Các người con của cụ Q đều thừa nhận hiện nay căn nhà gắn liền với Quyền sử dụng đất tại thị trấn Z, huyện Z là nơi con, cháu của cụ sử dụng để thờ cúng ông bà, tổ tiên, từ đó đã có căn cứ khẳng định tài sản này đang được những người thừa kế sử dụng làm tài sản hương quả, dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên theo đúng nội dung di chúc, nên tài sản này không được quyền chia thừa kế. Việc ông A là người được cụ Q chỉ định quản lý tài sản này để sử dụng làm tài sản hương quả, dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên theo nội dung di chúc nhưng ông A lại phủ nhận nội dung của di chúc và cho rằng tài sản này không phải là tài sản hương quả để từ đó yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản này là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Căn nhà gắn liền với Quyền sử dụng đất tại thị trấn Z, huyện Z là tài sản hương quả, là di sản dùng vào việc thờ cúng theo nội dung Tờ di chúc lập ngày 12/10/1995 của cụ Q nên đây là tài sản chung của những người thừa kế của cụ O và cụ Q gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A. Do đó, việc UBND huyện Z cấp cho cá nhân ông A đứng tên đối với tài sản này theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 143510 ngày 06/4/2015 là chưa đúng quy định của pháp luật nên cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để cấp lại cho 09 đồng sở hữu, sử dụng chung gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A theo

quy định pháp luật về đất đai. Từ đó, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với Quyền sử dụng đất tại xã T, huyện Y: Tại phiên tòa ông B, ông E, ông C, bà M và ông A đều thừa nhận các anh chị em chỉ đồng ý cho ông B đại diện cho các anh chị em đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản này nhưng khi làm thủ tục đăng ký cấp giấy thì ông B đã để tên vợ là bà M vào đứng tên chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc này là chưa đúng theo quy định của pháp luật vì đây là tài sản của cha mẹ để lại chứ không phải là tài sản của vợ chồng ông B, bà M. Đồng thời, tại phiên tòa ông B, ông E, ông C, ông A (đồng thời là đại diện của bà F, bà G, ông H, bà K) và bà M đều có ý kiến thống nhất với nhau về việc đối với tài sản này thì các bên đồng ý để cho những người thừa kế của cụ O và cụ Q gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tư cách là các đồng sở hữu, sử dụng chung để dùng tài sản này vào mục đích chôn cất mồ mả, thờ cúng ông bà, tổ tiên. Riêng người thừa kế còn lại là ông D tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo nội dung của tất cả các văn bản gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án này ông D đều có nguyện vọng giữ lại tài sản này để dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên chứ không đồng ý chia thừa kế. Xét thấy, việc những người thừa kế của cụ O và cụ Q thống nhất thỏa thuận về việc cùng đứng tên chung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Quyền sử dụng đất tại xã T, huyện Y để dùng vào việc thờ cúng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Quyền sử dụng đất tại xã T, huyện Y là tài sản chung của những người thừa kế của cụ O và cụ Q gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A. Do đó, việc UBND huyện Y cấp cho ông B và bà M đứng tên đối với tài sản này theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 457511 ngày 28/8/2013 là chưa đúng quy định của pháp luật nên cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để cấp lại cho 09 đồng sở hữu, sử dụng chung gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A theo quy định pháp luật về đất đai. Từ đó, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông A, bà F, bà G, ông H và bà K đối với căn nhà gắn liền với Quyền sử dụng đất tại thị trấn Z, huyện Z; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự đối với việc để cho những người thừa kế của cụ O và cụ Q gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tư cách đồng sở hữu, sử dụng chung đối với Quyền sử dụng đất tại xã T, huyện Y để dùng vào việc thờ cúng; chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, từ đó hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 457511 ngày 28/8/2013 của UBND huyện Y; chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B, từ đó hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 143510 ngày 06/4/2015 của UBND huyện Z.

[9] Về án phí sơ thẩm: Do Tòa án không giải quyết chia thừa kế theo yêu cầu của các bên nên các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[10] Chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản (7.500.000đồng): Do yêu cầu của ông A, bà F, bà G, ông H và bà K về việc chia thừa kế theo pháp luật không được chấp nhận nên ông A, bà F, bà G, ông H và bà K phải chịu chi phí này, tương ứng mỗi người phải chịu 1.500.000đồng. Do ông A đã nộp tạm ứng trước đối với toàn bộ chi phí này nên bà F, bà G, ông H và bà K mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông A 1.500.000đồng.

[11] Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Áp dụng các Điều 12, 13, 14 và 21 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; khoản 1 Điều 623, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà F, bà G, ông H, bà K về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ O và cụ Q là Quyền sử dụng đất diện tích 132,8m^2 (theo đo đạc thực tế) tại thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng cùng Căn nhà gắn liền trên đất.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc để cho những người thừa kế của cụ O và cụ Q gồm các ông bà C, D, F, E, G, H, B, K và A cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tư cách đồng sở hữu, sử dụng chung đối với di sản của cụ O và cụ Q là Quyền sử dụng đất diện tích 1.651,34m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế) tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng để dùng vào việc thờ cúng.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông A và bị đơn ông B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 457511 (số vào sổ cấp GCN: CH00754) ngày 28/8/2013 do UBND huyện Y cấp cho ông B và bà M đứng tên đối với phần đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp S, xã T, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng để cấp lại theo đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 143510 (số vào sổ cấp GCN: CH05474) ngày 06/4/2015 do UBND huyện Z cấp cho ông A đứng tên đối với phần đất tại thửa số 363, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp X, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng để cấp lại theo đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Án phí sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.750.000đồng theo Biên lai thu số 0003170 ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z;

Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0000482 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Hoàn trả cho bà F số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.830.000đồng theo Biên lai thu số 0009760 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Hoàn trả cho bà G số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.830.000đồng theo Biên lai thu số 0009759 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Hoàn trả cho bà K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.830.000đồng theo Biên lai thu số 0009762 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.830.000đồng theo Biên lai thu số 0009761 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

5. Chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản (7.500.000đồng): Ông A, bà F, bà G, ông H và bà K phải chịu chi phí này, tương ứng mỗi người phải chịu 1.500.000đồng. Do ông A đã nộp tạm ứng trước đối với toàn bộ chi phí này nên bà F, bà G, ông H và bà K mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông A 1.500.000đồng.

6. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũ